TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 751/2019/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 22 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 705/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Vũ Ngọc S, sinh năm 1959;

- Bà Lê Thị T, sinh năm 1961;

Cùng cư trú địa chỉ: Số A Lô B chung cư C, tổ D, Khu phố E, phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Ngọc S và bà Lê Thị T qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1987, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn trễ hạn vào năm 1995 (Giấy chứng nhận kết hôn số 428, quyển số KHQH đăng ký ngày 05/12/1995 tại Ủy ban nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do công việc của ông S thường xuyên vắng nhà, không có thời gian chăm sóc gia đình, cả hai không tin tưởng nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Cả hai đã cùng nhau ngồi lại tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Ông bà đã không còn quan tâm, chăm sóc nhau từ năm 2009 cho đến nay.

Ông bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tiếp tục sống chung cũng không hạnh phúc nên ông bà cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Tòa án ghi nhận.

[2] Về con chung: Ông Vũ Ngọc S và bà Lê Thị T có 02 (hai) con chung là: Vũ Duy C, sinh ngày 26/12/1987 và Vũ Thúy N, sinh ngày 27/12/1992 (tất cả đã trưởng thành).

[3] Về tài sản chung: Ông Vũ Ngọc S và bà Lê Thị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án ghi nhận.

[4] Về nợ chung: Ông Vũ Ngọc S và bà Lê Thị T xác định không có nên Tòa án ghi nhận.

[5] Về lệ phí: Ông Vũ Ngọc S và bà Lê Thị T chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Ngọc S và bà Lê Thị T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 428, quyển số KHQH đăng ký ngày 05/12/1995 tại Ủy ban nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Về con chung: Ông Vũ Ngọc S và bà Lê Thị T có 02 con chung là: Vũ Duy C, sinh ngày 26/12/1987 và Vũ Thúy N, sinh ngày 27/12/1992 (tất cả đã trưởng thành).

1.3. Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Vũ Ngọc S và bà Lê Thị T chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2018/0031706 ngày 25/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông bà đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự,

người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp.HCM;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án (Thơm).

THẨM PHÁN

Mai Trần Cảnh